

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương  
giai đoạn 2021-2025 và năm 2025, tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2024 vốn ngân sách địa phương, tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Tuyên Quang;*

*Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2024 phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Tuyên Quang*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2025, tỉnh Tuyên Quang;*

*Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2025, tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 89/BC-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 như sau:**

1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

1.1. Bổ sung danh mục nhiệm vụ, dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương tại nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của hội đồng nhân dân tỉnh: 15 nhiệm vụ, dự án.

a) Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020: 08 dự án (*Công trình đã phê duyệt quyết toán*).

- Dự án xây dựng Trung tâm sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 25 vào khoản (1) Công trình đã phê duyệt quyết toán; mục VII Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; Biểu số 02*).

- Trạm bơm điện Vĩnh Tường, xã Vĩnh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 26 vào khoản (1) Công trình đã phê duyệt quyết toán; mục VII Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; Biểu số 02*).

- Dự án Doanh trại Ban CHQS huyện Lâm Bình/Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang/Quân khu 2 (*bổ sung điểm 27 vào khoản (1) Công trình đã phê duyệt quyết toán; mục VII Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; Biểu số 02*).

- Doanh trại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Tuyên Quang (Hạng mục: Nhà ăn, kết hợp nhà ở cán bộ Ban CHQS huyện Sơn Dương) (*bổ sung điểm 28 vào khoản (1) Công trình đã phê duyệt quyết toán; mục VII Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; Biểu số 02*).

- Khán đài Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 29 vào khoản (1) Công trình đã phê duyệt quyết toán; mục VII Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; Biểu số 02*).

- Di chuyển đường điện 35 KV và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm (*bổ sung điểm 30 vào khoản (1) Công trình đã phê duyệt quyết toán; mục VII Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; Biểu số 02*).

- Nhà lớp học 12 phòng trường Trung học phổ thông sông Lô, xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 31 vào khoản (1) Công trình đã phê duyệt quyết toán; mục VII Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; Biểu số 02*).

- Phá đá ngầm thanh thải chướng ngại vật đảm bảo giao thông tại 02 vị trí (km69+500 và Km78+500) tuyến Sông Lô từ thị trấn Đoan Hùng (Km64) đến cầu An Hòa (Km83) (*bổ sung điểm 32 vào khoản (1) Công trình đã phê duyệt quyết toán; mục VII Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; Biểu số 02*).

b) Công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025: 02 dự án.

- Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Tỉnh ủy, Nhà khách Kim Bình và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (*bổ sung điểm 42 vào khoản (3) Quản lý nhà nước; mục IX Công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025; Biểu số 02*).

- Cải tạo sửa chữa hạng mục nhà 4 tầng và nhà 2 tầng của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trường THPT Chuyên cũ) (*bổ sung điểm 43 vào khoản (3) Quản lý nhà nước; mục IX Công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025; Biểu số 02*).

c) Chuẩn bị đầu tư: 05 nhiệm vụ

- Xây dựng trụ sở Tỉnh ủy Tuyên Quang (*bổ sung điểm 6 vào khoản (1) Quản lý nhà nước; mục X Chuẩn bị đầu tư; Biểu số 02*).

- Xây dựng trụ sở UBND tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 7 vào khoản (1) Quản lý nhà nước; mục X Chuẩn bị đầu tư; Biểu số 02*).

- Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 16 vào khoản (4) Văn hóa - Xã hội - Du lịch; mục X Chuẩn bị đầu tư; Biểu số 02*).

- Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang (*bổ sung điểm 34 vào khoản (3) Giao thông; mục X Chuẩn bị đầu tư; Biểu số 02*).

- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường cách mạng từ xã Tân Trào đến xã Trung Yên, tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 35 vào khoản (3) Giao thông; mục X Chuẩn bị đầu tư; Biểu số 02*).

1.2. Bổ sung tăng kế hoạch vốn đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên: 246.548,78 triệu đồng.

1.3. Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn: 246.548,78 triệu đồng cho 35 nhiệm vụ, dự án và vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội.

a) Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (14 dự án): 58.841,77 triệu đồng, trong đó:

- Công trình đã phê duyệt quyết toán (12 dự án): 27.931,58 triệu đồng (*Tại khoản (1), mục VII, Biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021*).

- Công trình chưa phê duyệt quyết toán (02 dự án): 30.910,20 triệu đồng (*Tại khoản (1), mục VII, Biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021*).

b) Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (06 dự án): 44.264,92 triệu đồng (*Tại mục VIII, Biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021*).

c) Công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025 (10 dự án): 104.442,08 triệu đồng (*Tại mục VIII, Biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021*).

d) Vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội: 20.000 triệu đồng (*Tại mục XIX, Biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 - Theo điểm 2.1; khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2024 phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Tuyên Quang*).

e) Chuẩn bị đầu tư (05 nhiệm vụ): 19.000 triệu đồng (*Tại mục IX, Biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021*), bao gồm:

- Xây dựng trụ sở Tỉnh ủy Tuyên Quang: 5.000 triệu đồng.
- Xây dựng trụ sở UBND tỉnh Tuyên Quang: 5.000 triệu đồng.
- Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Tuyên Quang: 4.000 triệu đồng.
- Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang: 3.500 triệu đồng.
- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường cách mạng từ xã Tân Trào đến xã Trung Yên, tỉnh Tuyên Quang: 1.500 triệu đồng.

*(Chi tiết có biểu số 01, 02, 03 kèm theo)*

## 2. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025

2.1. Bổ sung danh mục nhiệm vụ, dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024: 15 nhiệm vụ, dự án.

a) Dự án dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2024: 08 dự án.

- Dự án xây dựng Trung tâm sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 17 vào khoản VI.1 Dự án đã phê duyệt quyết toán; mục VI Dự án dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2024; Biểu số 02*).

- Trạm bơm điện Vĩnh Tường, xã Vĩnh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 18 vào khoản VI.1 Dự án đã phê duyệt quyết toán; mục VI Dự án dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2024; Biểu số 02*).

- Dự án Doanh trại Ban CHQS huyện Lâm Bình/Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang/Quân khu 2 (*bổ sung điểm 19 vào khoản VI.1 Dự án đã phê duyệt quyết toán; mục VI Dự án dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2024; Biểu số 02*).

- Doanh trại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Tuyên Quang (Hạng mục: Nhà ăn, kết hợp nhà ở cán bộ Ban CHQS huyện Sơn Dương) (*bổ sung điểm 20 vào khoản VI.1 Dự án đã phê duyệt quyết toán; mục VI Dự án dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2024; Biểu số 02*).

- Khán đài Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 21 vào khoản VI.1 Dự án đã phê duyệt quyết toán; mục VI Dự án dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2024; Biểu số 02*).

- Di chuyển đường điện 35 KV và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm (*bổ sung điểm 22 vào khoản VI.1 Dự án đã phê duyệt quyết toán; mục VI Dự án dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2024; Biểu số 02*).

- Nhà lớp học 12 phòng trường Trung học phổ thông sông Lô, xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 23 vào khoản VI.1 Dự án đã phê duyệt quyết toán; mục VI Dự án dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2024; Biểu số 02*).

- Phá đá ngầm thanh thải chương ngại vật đảm bảo giao thông tại 02 vị trí (km69+500 và Km78+500) tuyến Sông Lô từ thị trấn Đoan Hùng (Km64) đến cầu An Hòa (Km83) (*bổ sung điểm 24 vào khoản VI.1 Dự án đã phê duyệt quyết toán; mục VI Dự án dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2024; Biểu số 02*).

b) Dự án khởi công mới: 02 dự án.

- Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Tỉnh ủy, Nhà khách Kim Bình và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (*bổ sung điểm 7 vào khoản VIII.4 Quản lý nhà nước; mục VIII Dự án khởi công mới; Biểu số 02*).

- Cải tạo sửa chữa hạng mục nhà 4 tầng và nhà 2 tầng của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trường THPT Chuyên cũ) (*bổ sung điểm 8 vào khoản VIII.4 Quản lý nhà nước; mục VIII Dự án khởi công mới; Biểu số 02*).

c) Dự án chuẩn bị đầu tư: 05 nhiệm vụ.

- Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang (*bổ sung điểm 37 vào khoản IX.1 Giao thông; mục IX Dự án chuẩn bị đầu tư; Biểu số 02*).

- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường cách mạng từ xã Tân Trào đến xã Trung Yên, tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 38 vào khoản IX.1 Giao thông; mục IX Dự án chuẩn bị đầu tư; Biểu số 02*).

- Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 16 vào khoản IX.3 Văn hóa - Xã hội - Thể thao - Du lịch; mục IX Dự án chuẩn bị đầu tư; Biểu số 02*).

\* *Bổ sung khoản IX.10 Quản lý nhà nước vào mục IX Dự án chuẩn bị đầu tư, Biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024.*

- Xây dựng trụ sở Tỉnh ủy Tuyên Quang (*bổ sung điểm 1 vào khoản IX.10 Quản lý nhà nước; mục IX Dự án chuẩn bị đầu tư; Biểu số 02*).

- Xây dựng trụ sở UBND tỉnh Tuyên Quang (*bổ sung điểm 2 vào khoản IX.10 Quản lý nhà nước; mục IX Dự án chuẩn bị đầu tư; Biểu số 02*).

2.2. Bổ sung tăng kế hoạch vốn đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư: 253.797 triệu đồng.

2.3. Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn: 253.797 triệu đồng cho 33 nhiệm vụ, dự án và vốn đối ứng qua Ngân hàng chính sách xã hội.

a) Dự án dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2024 (25 dự án): 97.980,85 triệu đồng, trong đó:

- Dự án đã phê duyệt quyết toán (15 dự án): 30.660,60 triệu đồng (Tại khoản VI.1, mục VI, Biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024).

- Dự án hoàn thành chờ phê duyệt quyết toán (10 dự án): 67.620,25 triệu đồng (Tại khoản VI.2, mục VI, Biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024).

b) Dự án chuyển tiếp (06 dự án): 63.316,15 triệu đồng (Tại khoản VII.1 Dự án hoàn thành năm 2025, mục VII, Biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024).

c) Dự án khởi công mới (02 dự án): 53.500 triệu đồng (Tại mục VIII, Biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024).

d) Vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội: 20.000 triệu đồng (Tại mục XII, Biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024).

e) Dự án chuẩn bị đầu tư (05 nhiệm vụ): 19.000 triệu đồng (Tại mục IX, Biểu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024; Các nhiệm vụ này chỉ phân bổ chi tiết khi đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, các quy định pháp luật có liên quan), bao gồm:

- Xây dựng trụ sở Tỉnh ủy Tuyên Quang.
- Xây dựng trụ sở UBND tỉnh Tuyên Quang.
- Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Tuyên Quang.
- Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang.
- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường cách mạng từ xã Tân Trào đến xã Trung Yên.

(Chi tiết có biểu số 04, 05, 06 kèm theo)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2025./.

#### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (G).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Thị Minh Xuân**

**BỔ SUNG TĂNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025,  
TỪ NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH, TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN CHUYỂN SANG CHI ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**ĐVT: Triệu đồng**

| STT | NGUỒN VỐN                                                                   | Kế hoạch vốn được giao tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20/12/2021; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 27/3/2024; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/02/2025; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 | Bổ sung tăng Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | 2                                                                           | 3                                                                                                                                                                                               | 4                                                                   | 5                                                                     | 6       |
| I   | Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư | 2.007.854,57                                                                                                                                                                                    | 246.548,78                                                          | 2.254.403,34                                                          |         |
|     |                                                                             |                                                                                                                                                                                                 |                                                                     |                                                                       |         |



**BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Triệu đồng**

| STT | CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN                                                      | Thời gian KH-HT          | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT      |                       |           |           | Lũy kế vốn đã bố trí cho dự án | Số vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán được duyệt | CHỦ ĐẦU TƯ                           | GHI CHÚ |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|-----------------------|-----------|-----------|--------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
|     |                                                                                    |                          | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư       |           |           |                                |                                                       |                                      |         |
|     |                                                                                    |                          |                                        | Tổng số các nguồn vốn | Trong đó: |           |                                |                                                       |                                      |         |
|     |                                                                                    | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương               |                       |           |           |                                |                                                       |                                      |         |
| 1   | 2                                                                                  | 3                        | 4                                      | 5                     | 6         | 7         | 8                              | 9                                                     | 10                                   | 11      |
|     | TỔNG CỘNG                                                                          |                          |                                        | 48.369,65             | 35.836,59 | 12.533,06 | 44.293,96                      | 4.075,69                                              |                                      |         |
| I   | DỰ ÁN HOÀN THÀNH BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG ĐẾN NGÀY 31/12/2020                      |                          |                                        | 48.369,65             | 35.836,59 | 12.533,06 | 44.293,96                      | 4.075,69                                              |                                      |         |
| (1) | Công trình đã phê duyệt quyết toán                                                 |                          |                                        | 48.369,65             | 35.836,59 | 12.533,06 | 44.293,96                      | 4.075,69                                              |                                      |         |
| 1   | Dự án xây dựng Trung tâm sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi tỉnh Tuyên Quang | 2016-2020                | 73/QĐ-DANN ngày 08/08/2023             | 1.045,29              | 1.045,29  |           | 1.000,00                       | 45,29                                                 | Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT |         |
| 2   | Trạm bơm điện Vĩnh Tường, xã Vĩnh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang         | 2008-2010                | 1755/QĐ-UBND ngày 12/11/2021           | 473,03                |           | 473,03    | 72,49                          | 400,54                                                | Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT |         |

| STT | CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN                                                                                                                                   | Thời gian KH-HT          | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT      |                       |           |          | Lũy kế vốn đã bố trí cho dự án | Số vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán được duyệt | CHỦ ĐẦU TƯ                  | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|-----------------------|-----------|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                 |                          | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư       |           |          |                                |                                                       |                             |         |
|     |                                                                                                                                                                 |                          |                                        | Tổng số các nguồn vốn | Trong đó: |          |                                |                                                       |                             |         |
|     |                                                                                                                                                                 | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương               |                       |           |          |                                |                                                       |                             |         |
| 1   | 2                                                                                                                                                               | 3                        | 4                                      | 5                     | 6         | 7        | 8                              | 9                                                     | 10                          | 11      |
| 3   | Dự án Doanh trại Ban CHQS huyện Lâm Bình/Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang/Quân khu 2                                                                                    | 2013-2015                | 1723/QĐ-BQP ngày 02/5/2019             | 24.949,93             | 20.949,93 | 4.000,00 | 23.395,39                      | 1.554,54                                              | BCH Quân sự tỉnh            |         |
| 4   | Doanh trại Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang; HM: Nhà ăn, kết hợp nhà ở cán bộ Ban CHQS huyện Sơn Dương                                                                  | 2009                     | 1524/QĐ-BTL ngày 06/11/2018            | 1.908,13              | 1.050,00  | 858,13   | 1.568,38                       | 339,75                                                | BCH Quân sự tỉnh            |         |
| 5   | Khán đài Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                               | 2016-2017                | 1528/QĐ-BTL ngày 06/11/2018            | 4.259,56              | 3.000,00  | 1.259,56 | 3.999,73                       | 259,83                                                | BCH Quân sự tỉnh            |         |
| 6   | Di chuyển đường điện 35 KV và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm                                                            | 2011                     | 372/QĐ-UBND ngày 25/3/2025             | 7.367,60              | 5.100,00  | 2.267,60 | 7.200,00                       | 167,60                                                | Ban QL các khu du lịch tỉnh |         |
| 7   | Nhà lớp học 12 phòng trường Trung học phổ thông sông Lô, xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang                                                    | 2015-2016                | 265/QĐ-UBND ngày 30/3/2017             | 6.301,74              | 4.691,37  | 1.610,37 | 6.257,60                       | 44,14                                                 | Sở Giáo dục và Đào tạo      |         |
| 8   | Phá đá ngầm thanh thải chướng ngại vật đảm bảo giao thông tại 02 vị trí (km69+500 và Km78+500) tuyến Sông Lô từ thị trấn Đoan Hùng (Km64) đến cầu An Hòa (Km83) | 2015-2019                | 166/QĐ-UBND ngày 08/4/2020             | 2.064,38              |           | 2.064,38 | 800,38                         | 1.264,00                                              | Sở Xây dựng                 |         |

| STT | CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN                                                                                                                   | Thời gian KH-HT          | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT      |                       |           |           | Lũy kế vốn đã bố trí cho dự án | Số vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán được duyệt | CHỦ ĐẦU TƯ                                                                                  | GHI CHÚ                                          |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|-----------------------|-----------|-----------|--------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                 |                          | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư       |           |           |                                |                                                       |                                                                                             |                                                  |
|     |                                                                                                                                                 |                          |                                        | Tổng số các nguồn vốn | Trong đó: |           |                                |                                                       |                                                                                             |                                                  |
|     |                                                                                                                                                 | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương               |                       |           |           |                                |                                                       |                                                                                             |                                                  |
| 1   | 2                                                                                                                                               | 3                        | 4                                      | 5                     | 6         | 7         | 8                              | 9                                                     | 10                                                                                          | 11                                               |
| II  | CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025                                                                                                    |                          |                                        | 53.500,00             | -         | 53.500,00 |                                |                                                       |                                                                                             |                                                  |
| (1) | Quản lý nhà nước                                                                                                                                |                          |                                        | 53.500,00             | -         | 53.500,00 |                                |                                                       |                                                                                             |                                                  |
| 1   | Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Tỉnh ủy, Nhà khách Kim Bình và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy                                                 | 2025                     | 669/QĐ-UBND ngày 15/6/2025             | 8.500,00              |           | 8.500,00  | -                              |                                                       | Đơn vị được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình: Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN | Thực hiện theo Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp |
| 2   | Cải tạo sửa chữa hạng mục nhà 4 tầng và nhà 2 tầng của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trường THPT Chuyên cũ)                                   | 2025-2026                | 689/QĐ-UBND ngày 19/6/2025             | 45.000,00             |           | 45.000,00 | -                              |                                                       | Đơn vị được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình: Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN | Thực hiện theo Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp |
| III | CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ (MỘT SỐ DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM CỦA TỈNH, CƠ SỞ HẠ TẦNG PHỤC VỤ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC DO SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH) |                          |                                        | 19.000,00             | -         | 19.000,00 | -                              |                                                       |                                                                                             |                                                  |

| STT | CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN                                                             | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT      |                       |                          |                          | Lũy kế vốn đã bố trí cho dự án | Số vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán được duyệt | CHỦ ĐẦU TƯ | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------|------------|---------|
|     |                                                                                           |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư       |                          |                          |                                |                                                       |            |         |
|     |                                                                                           |                 |                                        | Tổng số các nguồn vốn | Trong đó:                |                          |                                |                                                       |            |         |
|     |                                                                                           |                 |                                        |                       | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                |                                                       |            |         |
| 1   | 2                                                                                         | 3               | 4                                      | 5                     | 6                        | 7                        | 8                              | 9                                                     | 10         | 11      |
| 1   | Xây dựng trụ sở Tỉnh ủy Tuyên Quang                                                       |                 |                                        | 5.000,00              |                          | 5.000,00                 | -                              |                                                       |            |         |
| 2   | Xây dựng trụ sở UBND tỉnh Tuyên Quang                                                     |                 |                                        | 5.000,00              |                          | 5.000,00                 | -                              |                                                       |            |         |
| 3   | Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Tuyên Quang                                           |                 |                                        | 4.000,00              |                          | 4.000,00                 | -                              |                                                       |            |         |
| 4   | Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang                  |                 |                                        | 3.500,00              |                          | 3.500,00                 | -                              |                                                       |            |         |
| 5   | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường cách mạng từ xã Tân Trào đến xã Trung Yên, tỉnh Tuyên Quang |                 |                                        | 1.500,00              |                          | 1.500,00                 | -                              |                                                       |            |         |
|     |                                                                                           |                 |                                        |                       |                          |                          |                                |                                                       |            |         |

**PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025,  
TỪ NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH, TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN CHUYỂN SANG CHI ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Triệu đồng**

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH                                                                                                   | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT      |                       |                          |                          | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt |                          |                          | Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2025 |                          |                          | Bổ sung tăng kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh | CHỦ ĐẦU TƯ                           | GHI CHÚ |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                  |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư       |                          |                          | Tổng số các nguồn vốn                                 | Trong đó                 |                          | Tổng số các nguồn vốn             | Trong đó                 |                          |                                                         |                                                           |                                      |         |
|     |                                                                                                                  |                 |                                        | Tổng số các nguồn vốn | Trong đó:                |                          |                                                       | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                   | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                                         |                                                           |                                      |         |
|     |                                                                                                                  |                 |                                        |                       | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                                       |                          |                          |                                   |                          |                          |                                                         |                                                           |                                      |         |
| 1   | 2                                                                                                                | 3               | 4                                      | 5                     | 6                        | 7                        | 8                                                     | 9                        | 10                       | 11                                | 12                       | 13                       | 14                                                      | 15                                                        | 16                                   | 17      |
|     | TỔNG CỘNG                                                                                                        |                 |                                        | 3.002.716,17          | 1.947.781,28             | 1.054.934,90             | 425.021,38                                            | 159.910,54               | 265.110,84               | 1.638.059,74                      | 1.221.891,92             | 416.167,82               | 246.548,78                                              | 511.659,62                                                |                                      |         |
| I   | DỰ ÁN HOÀN THÀNH BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG ĐẾN NGÀY 31/12/2020                                                    |                 |                                        | 1.113.331,53          | 932.131,28               | 181.200,26               | 6.942,00                                              | 1.800,00                 | 5.142,00                 | 977.732,53                        | 880.726,92               | 97.005,62                | 58.841,77                                               | 63.983,77                                                 |                                      |         |
| (1) | Công trình đã phê duyệt quyết toán                                                                               |                 |                                        | 235.687,10            | 113.836,59               | 121.850,52               | 2.142,00                                              | -                        | 2.142,00                 | 207.755,53                        | 113.749,92               | 94.005,62                | 27.931,58                                               | 30.073,58                                                 |                                      |         |
| 1   | Nhà lớp học 12 phòng trường Trung học phổ thông sông Lô, xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang     | 2015-2016       | 265/QĐ-UBND ngày 30/3/2017             | 6.301,74              | 4.691,37                 | 1.610,37                 | -                                                     |                          |                          | 6.257,60                          | 4.691,37                 | 1.566,23                 | 44,14                                                   | 44,14                                                     | Sở Giáo dục và Đào tạo               |         |
| 2   | Dự án xây dựng Trung tâm sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi tỉnh Tuyên Quang                               | 2016-2020       | 73/QĐ-DANN ngày 08/08/2023             | 1.045,29              | 1.045,29                 |                          | -                                                     |                          |                          | 1.000,00                          | 1.000,00                 |                          | 45,29                                                   | 45,29                                                     | Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT |         |
| 3   | Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Tuyên Quang                                                         | 2014            | 1264/QĐ-UBND ngày 19/11/2024           | 14.401,21             |                          | 14.401,21                | -                                                     |                          |                          | 14.237,38                         |                          | 14.237,38                | 163,84                                                  | 163,84                                                    | Văn phòng Tỉnh ủy                    |         |
| 4   | Di chuyển đường điện 35 KV và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm             | 2011            | 372/QĐ-UBND ngày 25/3/2025             | 7.367,60              | 5.100,00                 | 2.267,60                 | -                                                     |                          |                          | 7.200,00                          | 5.100,00                 | 2.100,00                 | 167,60                                                  | 167,60                                                    | Ban QL các khu du lịch tỉnh          |         |
| 5   | Khán đài Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang                                                                                | 2016-2017       | 1528/QĐ-BTL ngày 06/11/2018            | 4.259,56              | 3.000,00                 | 1.259,56                 | -                                                     |                          |                          | 3.999,73                          | 3.000,00                 | 999,73                   | 259,83                                                  | 259,83                                                    | BCH Quân sự tỉnh                     |         |
| 6   | Doanh trại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Tuyên Quang (Hạng mục: Nhà ăn, kết hợp nhà ở cán bộ Ban CHQS huyện Sơn Dương) | 2009            | 1524/QĐ-BTL ngày 06/11/2018            | 1.908,13              | 1.050,00                 | 858,13                   | -                                                     |                          |                          | 1.568,38                          | 1.050,00                 | 518,38                   | 339,75                                                  | 339,75                                                    | BCH Quân sự tỉnh                     |         |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT                        |                       |                          |                          | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt |                          |                          | Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2025 |                          |                          | Bổ sung tăng kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh | CHỦ ĐẦU TƯ                              | GHI CHÚ |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành                   | Tổng mức đầu tư       |                          |                          | Tổng số các nguồn vốn                                 | Trong đó                 |                          | Tổng số các nguồn vốn             | Trong đó                 |                          |                                                         |                                                           |                                         |         |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 |                                                          | Tổng số các nguồn vốn | Trong đó:                |                          |                                                       | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                   | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                                         |                                                           |                                         |         |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 |                                                          |                       | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                                       |                          |                          |                                   |                          |                          |                                                         |                                                           |                                         |         |
| 1   | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3               | 4                                                        | 5                     | 6                        | 7                        | 8                                                     | 9                        | 10                       | 11                                | 12                       | 13                       | 14                                                      | 15                                                        | 16                                      | 17      |
| 7   | Trạm bơm điện Vĩnh Tường, xã Vĩnh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                                                                                                                          | 2008-2010       | 1755/QĐ-UBND ngày 12/11/2021                             | 473,03                |                          | 473,03                   | -                                                     |                          |                          | 372,49                            |                          | 372,49                   | 100,54                                                  | 100,54                                                    | Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT    |         |
| 8   | Phá đá ngầm thanh thải chướng ngại vật đảm bảo giao thông tại 02 vị trí (km69+500 và Km78+500) tuyến Sông Lô từ thị trấn Đoan Hùng (Km64) đến cầu An Hòa (Km83)                                                                                                                                                     | 2015-2019       | 166/QĐ-UBND ngày 08/4/2020                               | 2.064,38              |                          | 2.064,38                 | -                                                     |                          |                          | 800,38                            |                          | 800,38                   | 1.264,00                                                | 1.264,00                                                  | Sở Xây dựng                             |         |
| 9   | Dự án Doanh trại Ban CHQS huyện Lâm Bình/Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang/Quân khu 2                                                                                                                                                                                                                                        | 2013-2015       | 1723/QĐ-BQP ngày 02/5/2019                               | 24.949,93             | 20.949,93                | 4.000,00                 | -                                                     |                          |                          | 23.395,39                         | 20.949,93                | 2.445,46                 | 1.554,54                                                | 1.554,54                                                  | BCH Quân sự tỉnh                        |         |
| 10  | Hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang:                                                                                                                                                                                                                                   | 2016-2020       | 373/QĐ-UBND ngày 25/3/2025                               | 83.560,81             | 78.000,00                | 5.560,81                 | -                                                     |                          |                          | 77.958,61                         | 77.958,61                |                          | 5.602,20                                                | 5.602,20                                                  | Ban QL các khu du lịch tỉnh             |         |
| 11  | Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Trụ sở làm việc Công an tỉnh Tuyên Quang tại xã An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                                        | 2014-2016       | 565/QĐ-UBND ngày 16/6/2020                               | 8.425,36              |                          | 8.425,36                 | -                                                     |                          |                          | -                                 |                          |                          | 8.425,36                                                | 8.425,36                                                  | Công an tỉnh                            |         |
| 12  | Đường Đồng Luộc - Phúc Hương, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa                                                                                                                                                                                                                                                    | 2016-2021       | 2422/QĐ-UBND ngày 30/8/2024                              | 80.930,07             |                          | 80.930,07                | 2.142,00                                              |                          | 2.142,00                 | 70.965,58                         |                          | 70.965,58                | 9.964,50                                                | 12.106,50                                                 | UBND huyện Chiêm Hóa                    |         |
| (2) | Công trình chưa phê duyệt quyết toán                                                                                                                                                                                                                                                                                |                 |                                                          | 877.644,43            | 818.294,69               | 59.349,74                | 4.800,00                                              | 1.800,00                 | 3.000,00                 | 769.977,00                        | 766.977,00               | 3.000,00                 | 30.910,20                                               | 33.910,20                                                 |                                         |         |
| 1   | Dự án xây dựng cầu Tỉnh Húc vượt sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                                                                                                                   | 2017-2021       | 471/QĐ-UBND ngày 12/5/2017; 1159/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 | 852.219,00            | 800.000,00               | 52.219,00                | 3.000,00                                              |                          | 3.000,00                 | 769.977,00                        | 766.977,00               | 3.000,00                 | 30.119,96                                               | 33.119,96                                                 | Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông |         |
| 2   | Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ công tác tái định cư cho các hộ thuộc khu vực sạt lở nguy hiểm hạ lưu công trình thủy điện Tuyên Quang và phục vụ tái định cư Dự án Kè bảo vệ bờ sông Gâm hạ lưu nhà máy thủy điện Tuyên Quang tại thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang | 2011-2014       | 459/QĐ-UBND ngày 19/3/2025                               | 25.425,43             | 18.294,69                | 7.130,74                 | 1.800,00                                              | 1.800,00                 |                          |                                   |                          |                          | 790,24                                                  | 790,24                                                    | UBND huyện Na Hang                      |         |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH                                                                                                                                                                  | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT                          |                       |                          |                          | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt |                          |                          | Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2025 |                          |                          | Bổ sung tăng kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh | CHỦ ĐẦU TƯ                                 | GHI CHÚ |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                                 |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành                     | Tổng mức đầu tư       |                          |                          | Tổng số các nguồn vốn                                 | Trong đó                 |                          | Tổng số các nguồn vốn             | Trong đó                 |                          |                                                         |                                                           |                                            |         |
|     |                                                                                                                                                                                 |                 |                                                            | Tổng số các nguồn vốn | Trong đó:                |                          |                                                       | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                   | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                                         |                                                           |                                            |         |
|     |                                                                                                                                                                                 |                 |                                                            |                       | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                                       |                          |                          |                                   |                          |                          |                                                         |                                                           |                                            |         |
| 1   | 2                                                                                                                                                                               | 3               | 4                                                          | 5                     | 6                        | 7                        | 8                                                     | 9                        | 10                       | 11                                | 12                       | 13                       | 14                                                      | 15                                                        | 16                                         | 17      |
| II  | DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020, HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025                                                                                  |                 |                                                            | 1.204.738             | 866.400,00               | 338.338                  | 151.065,00                                            | 69.110,54                | 81.954,47                | 422.858,55                        | 289.165,00               | 133.693,55               | 44.264,92                                               | 126.219,39                                                |                                            |         |
| 1   | Sửa chữa nền, mặt đường tuyến ĐT.185 đoạn từ Km236+500 - Km248+510 (Phúc Yên - Khuau Cau), huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang                                                     | 2018-2021       | 1080/QĐ-UBND ngày 30/12/2024                               | 54.655,03             |                          | 54.655,03                | 20.000,00                                             |                          | 20.000,00                | 20.000,00                         |                          | 20.000,00                | 8.337,42                                                | 28.337,42                                                 | Sở Giao thông Vận tải (nay là Sở Xây dựng) |         |
| 2   | Tu bổ, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang                                                                                                             | 2019-2024       | 1613/QĐ-UBND ngày 25/12/2023                               | 20.102,00             | 2.600,00                 | 17.502,00                | 8.000,00                                              |                          | 8.000,00                 | 8.000,00                          |                          | 8.000,00                 | 7.670,00                                                | 15.670,00                                                 | UBND huyện Hàm Yên                         |         |
| 3   | Dự án Kè chống sạt lở bờ suối xã Côn Lôn, huyện Na Hang                                                                                                                         | 2020-2024       | 703/QĐ-UBND ngày 28/6/2021                                 | 120.000,00            | 48.100,00                | 71.900,00                | -                                                     |                          |                          | 48.100,00                         | 48.100,00                |                          | 1.222,11                                                | 1.222,11                                                  | UBND huyện Na Hang                         |         |
| 4   | Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013 - 2020                                                                                           | 2016-2025       | 1468/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 1310/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 | 950.097,00            | 808.000,00               | 142.097,00               | 77.565,00                                             | 32.565,00                | 45.000,00                | 301.258,36                        | 235.565,00               | 65.693,36                | 24.536,15                                               | 69.536,15                                                 | Sở Công thương                             |         |
| 5   | Xây dựng hạ tầng khu vực bến thủy vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Ba Đạo đi qua Hang Khảo đến bến thủy lòng hồ thủy điện Tuyên Quang | 2020-2022       | 1964 /QĐ-UBND ngày 25/12/2020                              | 44.980,00             | -                        | 44.980,00                | 40.000,00                                             | 36.545,54                | 3.454,47                 | 40.000,19                         |                          | 40.000,19                | 1.903,87                                                | 5.358,33                                                  | UBND huyện Na Hang                         |         |
| 6   | Xây dựng cầu BTCT từ khu TĐC thôn Phai Khăn đi Nà Mù thôn Phai Khăn, xã Đà Vị, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang                                                                  | 2019-2021       | 119/QĐ-UBND ngày 15/4/2020                                 | 14.904,00             | 7.700,00                 | 7.204,00                 | 5.500,00                                              |                          | 5.500,00                 | 5.500,00                          | 5.500,00                 |                          | 595,38                                                  | 6.095,38                                                  | UBND huyện Na Hang                         |         |
| III | CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025                                                                                                                                    |                 |                                                            | 684.646,60            | 149.250,00               | 535.396,60               | 238.014,38                                            | 89.000,00                | 149.014,38               | 237.468,66                        | 52.000,00                | 185.468,66               | 104.442,08                                              | 253.456,46                                                |                                            |         |
| 1   | Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm y tế huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang                                                                                                            | 2022-2025       | 320/QĐ-UBND ngày 14/4/2023                                 | 100.000,00            | 52.000,00                | 48.000,00                | 52.000,00                                             | 52.000,00                |                          | 52.000,00                         | 52.000,00                |                          | 15.000,00                                               | 15.000,00                                                 | Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN         |         |
| 2   | Cải tạo hang động tự nhiên đảm bảo cho thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025                                                             | 2023-2025       | 18/QĐ-UBND ngày 04/3/2024                                  | 34.957,45             |                          | 34.957,45                | 8.000,00                                              |                          | 8.000,00                 | 8.000,00                          |                          | 8.000,00                 | 3.580,00                                                | 11.580,00                                                 | BCH Quân sự tỉnh                           |         |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH                                                                                                                             | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT        |                       |                          |                          | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt |                          |                          | Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2025 |                          |                          | Bổ sung tăng kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh | CHỦ ĐẦU TƯ                                                                                  | GHI CHÚ                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                            |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành   | Tổng mức đầu tư       |                          |                          | Tổng số các nguồn vốn                                 | Trong đó                 |                          | Tổng số các nguồn vốn             | Trong đó                 |                          |                                                         |                                                           |                                                                                             |                                                      |
|     |                                                                                                                                            |                 |                                          | Tổng số các nguồn vốn | Trong đó:                |                          |                                                       | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                   | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                                         |                                                           |                                                                                             |                                                      |
|     |                                                                                                                                            |                 |                                          |                       | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                                       |                          |                          |                                   |                          |                          |                                                         |                                                           |                                                                                             |                                                      |
| 1   | 2                                                                                                                                          | 3               | 4                                        | 5                     | 6                        | 7                        | 8                                                     | 9                        | 10                       | 11                                | 12                       | 13                       | 14                                                      | 15                                                        | 16                                                                                          | 17                                                   |
| 3   | Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Tỉnh ủy, Nhà khách Kim Bình và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy                                            | 2025            | 669/QĐ-UBND ngày 15/6/2025               | 8.500,00              |                          | 8.500,00                 | -                                                     |                          |                          |                                   |                          |                          | 8.500,00                                                | 8.500,00                                                  | Đơn vị được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình: Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN | Thực hiện theo Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp     |
| 4   | Cải tạo sửa chữa hạng mục nhà 4 tầng và nhà 2 tầng của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trường THPT Chuyên cũ)                              | 2025-2026       | 689/QĐ-UBND ngày 19/6/2025               | 45.000,00             |                          | 45.000,00                | -                                                     |                          |                          |                                   |                          |                          | 45.000,00                                               | 45.000,00                                                 | Đơn vị được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình: Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN | Thực hiện theo Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp     |
| 5   | Bảo tồn Làng văn hóa truyền thống dân tộc Cao Lan, thôn Động Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.                            | 2022-2023       | 738/QĐ-UBND ngày 13/7/2023               | 10.560,00             | 7.250,00                 | 3.310,00                 | -                                                     |                          |                          |                                   |                          |                          | 3.140,10                                                | 3.140,10                                                  | Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch                                                              |                                                      |
| 6   | Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường phổ thông Dân tộc nội trú trung học phổ thông tỉnh Tuyên Quang                                          | 2022-2024       | 1099/QĐ-UBND ngày 5/10/2023              | 18.000,00             |                          | 18.000,00                | 17.500,00                                             |                          | 17.500,00                | 15.050,00                         |                          | 15.050,00                | 2.500,00                                                | 20.000,00                                                 | Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN                                                          |                                                      |
| 7   | Đầu tư xây dựng Nhà Công vụ Bộ CHQS tỉnh                                                                                                   | 2021-2023       | 930/QĐ-UBND ngày 22/7/2021               | 39.509,00             |                          | 39.509,00                | 36.000,00                                             | 35.000,00                | 1.000,00                 | 37.604,29                         |                          | 37.604,29                | 1.904,71                                                | 2.904,71                                                  | BCH Quân sự tỉnh                                                                            |                                                      |
| 8   | Sửa chữa, cải tạo, mua sắm, thay thế các tài sản, công cụ, dụng cụ nhà khách Kim Bình, Văn phòng Tỉnh ủy                                   | 2021-2022       | 1259/QĐ-UBND ngày 01/11/2023             | 4.991,44              |                          | 4.991,44                 | 2.000,00                                              | 2.000,00                 |                          | 2.300,00                          |                          | 2.300,00                 | 253,18                                                  | 253,18                                                    | Văn phòng Tỉnh ủy                                                                           |                                                      |
| 9   | Bê tông hoá đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn huyện Yên Sơn | 2021-2025       | Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 | 318.128,72            |                          | 318.128,72               | 117.514,38                                            |                          | 117.514,38               | 117.514,38                        |                          | 117.514,38               | 14.564,08                                               | 132.078,46                                                | UBND huyện Yên Sơn                                                                          | Bổ sung để thanh toán khối lượng hoàn thành năm 2023 |



| STT | TÊN CÔNG TRÌNH                                                                                                                                  | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT      |                       |                          |                          | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt |                          |                          | Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2025 |                          |                          | Bổ sung tăng kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh | CHỦ ĐẦU TƯ                                            | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                 |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư       |                          |                          | Tổng số các nguồn vốn                                 | Trong đó                 |                          | Tổng số các nguồn vốn             | Trong đó                 |                          |                                                         |                                                           |                                                       |         |
|     |                                                                                                                                                 |                 |                                        | Tổng số các nguồn vốn | Trong đó:                |                          |                                                       | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                   | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                                         |                                                           |                                                       |         |
|     |                                                                                                                                                 |                 |                                        |                       | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                                       |                          |                          |                                   |                          |                          |                                                         |                                                           |                                                       |         |
| 1   | 2                                                                                                                                               | 3               | 4                                      | 5                     | 6                        | 7                        | 8                                                     | 9                        | 10                       | 11                                | 12                       | 13                       | 14                                                      | 15                                                        | 16                                                    | 17      |
| 10  | Dự án Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Tuyên Quang                                                                                       | 2023-2025       | 2320/QĐ-BLĐT BXH ngày 30/12/2024       | 105.000,00            | 90.000,00                | 15.000,00                | 5.000,00                                              |                          | 5.000,00                 | 5.000,00                          |                          | 5.000,00                 | 10.000,00                                               | 15.000,00                                                 | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ) |         |
| IV  | VỐN ỦY THÁC QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI                                                                                                     |                 |                                        | -                     | -                        | -                        | 29.000,00                                             | -                        | 29.000,00                | -                                 | -                        | -                        | 20.000,00                                               | 49.000,00                                                 |                                                       |         |
| V   | CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ (MỘT SỐ DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM CỦA TỈNH, CƠ SỞ HẠ TẦNG PHỤC VỤ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC DO SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH) |                 |                                        | -                     | -                        | -                        | -                                                     | -                        | -                        | -                                 | -                        | -                        | 19.000,00                                               | 19.000,00                                                 |                                                       |         |
| 1   | Xây dựng trụ sở Tỉnh ủy Tuyên Quang                                                                                                             |                 |                                        |                       |                          |                          |                                                       |                          |                          |                                   |                          |                          | 5.000,00                                                | 5.000,00                                                  |                                                       |         |
| 2   | Xây dựng trụ sở UBND tỉnh Tuyên Quang                                                                                                           |                 |                                        |                       |                          |                          |                                                       |                          |                          |                                   |                          |                          | 5.000,00                                                | 5.000,00                                                  |                                                       |         |
| 3   | Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Tuyên Quang                                                                                                 |                 |                                        |                       |                          |                          |                                                       |                          |                          |                                   |                          |                          | 4.000,00                                                | 4.000,00                                                  |                                                       |         |
| 4   | Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang                                                                        |                 |                                        |                       |                          |                          |                                                       |                          |                          |                                   |                          |                          | 3.500,00                                                | 3.500,00                                                  |                                                       |         |
| 5   | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường cách mạng từ xã Tân Trào đến xã Trung Yên, tỉnh Tuyên Quang                                                       |                 |                                        |                       |                          |                          |                                                       |                          |                          |                                   |                          |                          | 1.500,00                                                | 1.500,00                                                  |                                                       |         |
|     |                                                                                                                                                 |                 |                                        |                       |                          |                          |                                                       |                          |                          |                                   |                          |                          |                                                         |                                                           |                                                       |         |

**BỔ SUNG TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025,**  
**TỪ NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH, TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN CHUYỂN SANG CHI ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

| STT | NGUỒN VỐN                                                                   | Kế hoạch vốn được giao tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 05/12/2024; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/02/2025; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 | Bổ sung tăng Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
| 1   | 2                                                                           | 3                                                                                                                                                      | 4                                              | 5                                                | 6       |
| I   | Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư | 336.962,57                                                                                                                                             | 253.797,00                                     | 590.759,56                                       |         |
|     |                                                                             |                                                                                                                                                        |                                                |                                                  |         |

**BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Triệu đồng**

| STT | CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN                                                      | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT      |                       |                          |                          | CHỦ ĐẦU TƯ                           | GHI CHÚ |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------------------|---------|
|     |                                                                                    |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư       |                          |                          |                                      |         |
|     |                                                                                    |                 |                                        | Tổng số các nguồn vốn | Trong đó:                |                          |                                      |         |
|     |                                                                                    |                 |                                        |                       | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                      |         |
| 1   | 2                                                                                  | 3               | 4                                      | 5                     | 6                        | 7                        | 8                                    | 9       |
|     | TỔNG CỘNG                                                                          |                 |                                        | 120.869,65            | 35.836,59                | 85.033,06                |                                      |         |
| I   | DỰ ÁN DỰ KIẾN HOÀN THÀNH, BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRƯỚC NGÀY 31/12/2024           |                 |                                        | 48.369,65             | 35.836,59                | 12.533,06                |                                      |         |
| (1) | Dự án đã phê duyệt quyết toán                                                      |                 |                                        | 48.369,65             | 35.836,59                | 12.533,06                |                                      |         |
| 1   | Dự án xây dựng Trung tâm sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi tỉnh Tuyên Quang | 2016-2020       | 73/QĐ-DANN<br>ngày 08/08/2023          | 1.045,29              | 1.045,29                 |                          | Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT |         |
| 2   | Trạm bơm điện Vĩnh Tường, xã Vĩnh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang         | 2008-2010       | 1755/QĐ-UBND<br>ngày 12/11/2021        | 473,03                |                          | 473,03                   | Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT |         |
| 3   | Dự án Doanh trại Ban CHQS huyện Lâm Bình/Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang/Quân khu 2       | 2013-2015       | 1723/QĐ-BQP ngày 02/5/2019             | 24.949,93             | 20.949,93                | 4.000,00                 | BCH Quân sự tỉnh                     |         |

| STT | CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN                                                                                                                                   | Thời gian KH-HT          | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT      |                       |           |           | CHỦ ĐẦU TƯ                  | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|-----------------------|-----------|-----------|-----------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                 |                          | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư       |           |           |                             |         |
|     |                                                                                                                                                                 |                          |                                        | Tổng số các nguồn vốn | Trong đó: |           |                             |         |
|     |                                                                                                                                                                 | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương               |                       |           |           |                             |         |
| 1   | 2                                                                                                                                                               | 3                        | 4                                      | 5                     | 6         | 7         | 8                           | 9       |
| 4   | Doanh trại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Tuyên Quang (Hạng mục: Nhà ăn, kết hợp nhà ở cán bộ Ban CHQS huyện Sơn Dương)                                                | 2009                     | 1524/QĐ-BTL ngày 06/11/2018            | 1.908,13              | 1.050,00  | 858,13    | BCH Quân sự tỉnh            |         |
| 5   | Khán đài Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                               | 2016-2017                | 1528/QĐ-BTL ngày 06/11/2018            | 4.259,56              | 3.000,00  | 1.259,56  | BCH Quân sự tỉnh            |         |
| 6   | Di chuyển đường điện 35 KV và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm                                                            | 2011                     | 372/QĐ-UBND ngày 25/3/2025             | 7.367,60              | 5.100,00  | 2.267,60  | Ban QL các khu du lịch tỉnh |         |
| 7   | Nhà lớp học 12 phòng trường Trung học phổ thông sông Lô, xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang                                                    | 2015-2016                | 265/QĐ-UBND ngày 30/3/2017             | 6.301,74              | 4.691,37  | 1.610,37  | Sở Giáo dục và Đào tạo      |         |
| 8   | Phá đá ngầm thanh thải chướng ngại vật đảm bảo giao thông tại 02 vị trí (km69+500 và Km78+500) tuyến Sông Lô từ thị trấn Đoan Hùng (Km64) đến cầu An Hòa (Km83) | 2015-2019                | 166/QĐ-UBND ngày 08/4/2020             | 2.064,38              |           | 2.064,38  | Sở Xây dựng                 |         |
| II  | DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI                                                                                                                                             |                          |                                        | 53.500,00             |           | 53.500,00 |                             |         |

| STT | CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN                                                                                                                   | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT      |                       |                          |                          | CHỦ ĐẦU TƯ                                                                                  | GHI CHÚ                                          |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                 |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư       |                          |                          |                                                                                             |                                                  |
|     |                                                                                                                                                 |                 |                                        | Tổng số các nguồn vốn | Trong đó:                |                          |                                                                                             |                                                  |
|     |                                                                                                                                                 |                 |                                        |                       | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                                                                             |                                                  |
| 1   | 2                                                                                                                                               | 3               | 4                                      | 5                     | 6                        | 7                        | 8                                                                                           | 9                                                |
| 1   | Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Tỉnh ủy, Nhà khách Kim Bình và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy                                                 | 2025            | 669/QĐ-UBND ngày 15/6/2025             | 8.500,00              |                          | 8.500,00                 | Đơn vị được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình: Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN | Thực hiện theo Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp |
| 2   | Cải tạo sửa chữa hạng mục nhà 4 tầng và nhà 2 tầng của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trường THPT Chuyên cũ)                                   | 2025-2026       | 689/QĐ-UBND ngày 19/6/2025             | 45.000,00             |                          | 45.000,00                | Đơn vị được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình: Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN | Thực hiện theo Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp |
| III | CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ (MỘT SỐ DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM CỦA TỈNH, CƠ SỞ HẠ TẦNG PHỤC VỤ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC DO SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH) |                 |                                        | 19.000,00             | -                        | 19.000,00                |                                                                                             |                                                  |
| 1   | Xây dựng trụ sở Tỉnh ủy Tuyên Quang                                                                                                             |                 |                                        | 5.000,00              |                          | 5.000,00                 |                                                                                             |                                                  |
| 2   | Xây dựng trụ sở UBND tỉnh Tuyên Quang                                                                                                           |                 |                                        | 5.000,00              |                          | 5.000,00                 |                                                                                             |                                                  |
| 3   | Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Tuyên Quang                                                                                                 |                 |                                        | 4.000,00              |                          | 4.000,00                 |                                                                                             |                                                  |
| 4   | Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang                                                                        |                 |                                        | 3.500,00              |                          | 3.500,00                 |                                                                                             |                                                  |
| 5   | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường cách mạng từ xã Tân Trào đến xã Trung Yên, tỉnh Tuyên Quang                                                       |                 |                                        | 1.500,00              |                          | 1.500,00                 |                                                                                             |                                                  |

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025,  
TỪ NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH, TIẾT KIỆM CHI THUỜNG XUYỀN CHUYỂN SANG CHI ĐẦU TƯ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**ĐVT: Triệu đồng**

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH                                                                                               | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT      |                       |                          | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024 | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2025 | Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh | CHỦ ĐẦU TƯ | GHI CHÚ                               |                          |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|-----------------------|--------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------|---------------------------------------|--------------------------|
|     |                                                                                                              |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư       |                          |                                       |                                 |                                       |                                      |            |                                       |                          |
|     |                                                                                                              |                 |                                        | Tổng số các nguồn vốn | Vốn ngân sách trung ương |                                       |                                 |                                       |                                      |            |                                       | Vốn ngân sách địa phương |
| 1   | 2                                                                                                            | 3               | 4                                      | 5                     | 6                        | 7                                     | 8                               | 9                                     | 10                                   | 11         | 12                                    | 13                       |
|     | TỔNG CỘNG                                                                                                    |                 |                                        | 2.907.914,30          | 2.007.781,28             | 892.564,23                            | 1.770.187,34                    | 33.800,00                             | 253.797,00                           | 287.597,00 |                                       |                          |
| I   | DỰ ÁN DỰ KIẾN HOÀN THÀNH, BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRƯỚC NGÀY 31/12/2024                                     |                 |                                        | 1.522.146,06          | 997.781,28               | 516.795,98                            | 1.296.144,52                    | 1.800,00                              | 97.980,85                            | 99.780,85  |                                       |                          |
| (1) | Dự án đã phê duyệt quyết toán                                                                                |                 |                                        | 341.644,26            | 132.131,28               | 209.513,18                            | 309.483,62                      | 1.800,00                              | 30.360,60                            | 32.160,60  |                                       |                          |
| 1   | Nhà lớp học 12 phòng trường Trung học phổ thông sông Lô, xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang | 2015-2016       | 265/QĐ-UBND ngày 30/3/2017             | 6.301,74              | 4.691,37                 | 1.610,37                              | 6.257,60                        |                                       | 44,14                                | 44,14      | Sở Giáo dục và Đào tạo                |                          |
| 2   | Dự án xây dựng Trung tâm sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi tỉnh Tuyên Quang                           | 2016-2020       | 73/QĐ-DANN ngày 08/08/2023             | 1.045,29              | 1.045,29                 |                                       | 1.000,00                        |                                       | 45,29                                | 45,29      | Ban QLDA ĐTXD các công trình NN& PTNT |                          |
| 3   | Cải tạo sửa chữa trụ sở Tỉnh ủy Tuyên Quang                                                                  | 2014            | 1264/QĐ-UBND ngày 19/11/2024           | 14.401,21             |                          | 14.401,21                             | 14.237,38                       |                                       | 163,84                               | 163,84     | Văn phòng Tỉnh ủy                     |                          |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT      |                       |                          |                          | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024 | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2025 | Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh | CHỦ ĐẦU TƯ                            | GHI CHÚ |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư       |                          |                          |                                       |                                 |                                       |                                      |                                       |         |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 |                                        | Tổng số các nguồn vốn | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                       |                                 |                                       |                                      |                                       |         |
| 1   | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3               | 4                                      | 5                     | 6                        | 7                        | 8                                     | 9                               | 10                                    | 11                                   | 12                                    | 13      |
| 4   | Di chuyển đường điện 35 KV và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm                                                                                                                                                                                                                | 2011            | 372/QĐ-UBND ngày 25/3/2025             | 7.367,60              | 5.100,00                 | 2.267,60                 | 7.200,00                              |                                 | 167,60                                | 167,60                               | Ban QL các khu du lịch tỉnh           |         |
| 5   | Sửa chữa, cải tạo, mua sắm, thay thế các tài sản, công cụ, dụng cụ nhà khách Kim Bình, Văn phòng Tỉnh ủy                                                                                                                                                                                                            | 2021-2022       | 1259/QĐ-UBND ngày 01/11/2023           | 4.991,44              |                          | 4.991,44                 | 4.738,25                              |                                 | 253,18                                | 253,18                               | Văn phòng Tỉnh ủy                     |         |
| 6   | Khán đài Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2016-2017       | 1528/QĐ-BTL ngày 06/11/2018            | 4.259,56              | 3.000,00                 | 1.259,56                 | 3.999,73                              |                                 | 259,83                                | 259,83                               | BCH Quân sự tỉnh                      |         |
| 7   | Doanh trại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Tuyên Quang (Hạng mục: Nhà ăn, kết hợp nhà ở cán bộ Ban CHQS huyện Sơn Dương)                                                                                                                                                                                                    | 2009            | 1524/QĐ-BTL ngày 06/11/2018            | 1.908,13              | 1.050,00                 | 858,13                   | 1.568,38                              |                                 | 339,75                                | 339,75                               | BCH Quân sự tỉnh                      |         |
| 8   | Trạm bơm điện Vĩnh Tường, xã Vĩnh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                                                                                                                          | 2008-2010       | 1755/QĐ-UBND ngày 12/11/2021           | 473,03                |                          | 473,03                   | 372,49                                |                                 | 100,54                                | 100,54                               | Ban QLDA ĐTXD các công trình NN& PTNT |         |
| 9   | Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ công tác tái định cư cho các hộ thuộc khu vực sạt lở nguy hiểm hạ lưu công trình thủy điện Tuyên Quang và phục vụ tái định cư Dự án Kè bảo vệ bờ sông Gâm hạ lưu nhà máy thủy điện Tuyên Quang tại thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang | 2011-2014       | 459/QĐ-UBND ngày 19/3/2025             | 25.425,43             | 18.294,69                | 7.130,74                 | 22.835,19                             | 1.800,00                        | 790,24                                | 2.590,24                             | UBND huyện Na Hang                    |         |
| 10  | Phá đá ngầm thanh thải chướng ngại vật đảm bảo giao thông tại 02 vị trí (km69+500 và Km78+500) tuyến Sông Lô từ thị trấn Đoan Hùng (Km64) đến cầu An Hòa (Km83)                                                                                                                                                     | 2015-2019       | 166/QĐ-UBND ngày 08/4/2020             | 2.064,38              |                          | 2.064,38                 | 800,38                                |                                 | 1.264,00                              | 1.264,00                             | Sở Xây dựng                           |         |
| 11  | Xây dựng đường nội bộ từ Trụ sở Tỉnh ủy đến Nhà khách Kim Bình, bãi đỗ xe, kè bảo vệ chống sạt lở và cải tạo sân, vườn khu vực Tỉnh ủy, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                     | 2020-2022       | 240/BC-STC ngày 10/6/2025              | 29.310,81             |                          | 29.310,81                | 27.837,27                             |                                 | 1.473,54                              | 1.473,54                             | Văn phòng Tỉnh ủy                     |         |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH                                                                                                             | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT                        |                       |                          |                          | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024 | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2025 | Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh | CHỦ ĐẦU TƯ                                 | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                            |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành                   | Tổng mức đầu tư       |                          |                          |                                       |                                 |                                       |                                      |                                            |         |
|     |                                                                                                                            |                 |                                                          | Tổng số các nguồn vốn | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                       |                                 |                                       |                                      |                                            |         |
| 1   | 2                                                                                                                          | 3               | 4                                                        | 5                     | 6                        | 7                        | 8                                     | 9                               | 10                                    | 11                                   | 12                                         | 13      |
| 12  | Dự án Doanh trại Ban CHQS huyện Lâm Bình/Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang/Quân khu 2                                               | 2013-2015       | 1723/QĐ-BQP ngày 02/5/2019                               | 24.949,93             | 20.949,93                | 4.000,00                 | 23.395,39                             |                                 | 1.554,54                              | 1.554,54                             | BCH Quân sự tỉnh                           |         |
| 13  | Hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang:                                          | 2016-2020       | 373/QĐ-UBND ngày 25/3/2025                               | 83.560,61             | 78.000,00                | 5.560,81                 | 77.958,37                             |                                 | 5.602,20                              | 5.602,20                             | Ban QL các khu du lịch tỉnh                |         |
| 14  | Sửa chữa nền, mặt đường tuyến ĐT.185 đoạn từ Km236+500 - Km248+510 (Phúc Yên - Khau Cau), huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang | 2018-2021       | 1080//QĐ-UBND ngày                                       | 54.655,03             |                          | 54.655,03                | 46.317,61                             |                                 | 8.337,42                              | 8.337,42                             | Sở Giao thông Vận tải (nay là Sở Xây dựng) |         |
| 15  | Đường Đồng Luộc - Phúc Hương, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa                                                           | 2016-2021       | 2422/QĐ-UBND ngày 30/8/2024                              | 80.930,07             |                          | 80.930,07                | 70.965,58                             |                                 | 9.964,50                              | 9.964,50                             | UBND huyện Chiêm Hóa                       |         |
| (2) | Dự án chưa phê duyệt quyết toán                                                                                            |                 |                                                          | 1.180.501,80          | 865.650,00               | 307.282,80               | 986.660,90                            | -                               | 67.620,25                             | 67.620,25                            |                                            |         |
| 1   | Trường phổ thông DTNT THPT tỉnh                                                                                            | 2022-2024       | 1099/QĐ-UBND ngày 5/10/2023                              | 18.000,00             |                          | 18.000,00                | 15.050,00                             |                                 | 2.500,00                              | 2.500,00                             | Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN         |         |
| 2   | Dự án xây dựng cầu Tỉnh Húc vượt sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang                                          | 2017-2021       | 471/QĐ-UBND ngày 12/5/2017; 1159/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 | 852.219,00            | 800.000,00               | 52.219,00                | 773.497,00                            |                                 | 30.119,96                             | 30.119,96                            | Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông    |         |



| STT | TÊN CÔNG TRÌNH                                                                                                                                                                  | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT        |                       |                          |                          | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024 | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2025 | Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh | CHỦ ĐẦU TƯ                     | GHI CHÚ                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                 |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành   | Tổng mức đầu tư       |                          |                          |                                       |                                 |                                       |                                      |                                |                                                      |
|     |                                                                                                                                                                                 |                 |                                          | Tổng số các nguồn vốn | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                       |                                 |                                       |                                      |                                |                                                      |
| 1   | 2                                                                                                                                                                               | 3               | 4                                        | 5                     | 6                        | 7                        | 8                                     | 9                               | 10                                    | 11                                   | 12                             | 13                                                   |
| 3   | Đầu tư xây dựng Nhà Công vụ Bộ CHQS tỉnh                                                                                                                                        | 2021-2023       | 930/QĐ-UBND ngày 22/7/2021               | 39.509,00             |                          | 39.509,00                | 36.500,00                             |                                 | 1.904,71                              | 1.904,71                             | BCH Quân sự tỉnh               |                                                      |
| 4   | Bảo tồn Làng văn hóa truyền thống dân tộc Cao Lan, thôn Động Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.                                                                 | 2022-2023       | 738/QĐ-UBND ngày 13/7/2023               | 10.560,00             | 7.250,00                 | 3.310,00                 | 7.080,00                              |                                 | 3.140,10                              | 3.140,10                             | Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch |                                                      |
| 5   | Tu bổ, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang                                                                                                             | 2019-2024       | 1613/QĐ-UBND ngày 25/12/2023             | 20.102,00             | 2.600,00                 | 17.502,00                | 10.600,00                             |                                 | 7.670,00                              | 7.670,00                             | UBND huyện Hàm Yên             |                                                      |
| 6   | Dự án Kè chống sạt lở bờ suối xã Côn Lôn, huyện Na Hang                                                                                                                         | 2020-2024       | 703/QĐ-UBND ngày 28/6/2021               | 120.000,00            | 48.100,00                | 64.331,00                | 48.100,00                             |                                 | 1.222,15                              | 1.222,15                             | UBND huyện Na Hang             |                                                      |
| 7   | Xây dựng hạ tầng khu vực bến thủy vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Ba Đạo đi qua Hang Khảo đến bến thủy lòng hồ thủy điện Tuyên Quang | 2020-2022       | 1964 /QĐ-UBND ngày 25/12/2020            | 44.980,00             | -                        | 44.980,00                | 41.100,18                             |                                 | 1.903,87                              | 1.903,87                             | UBND huyện Na Hang             |                                                      |
| 8   | Xây dựng cầu BTCT từ khu TĐC thôn Phai Khăn đi Nà Mù thôn Phai Khăn, xã Đà Vĩ, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang                                                                  | 2019-2021       | 119/QĐ-UBND ngày 15/4/2020               | 14.904,00             | 7.700,00                 | 7.204,00                 | 14.200,00                             |                                 | 595,38                                | 595,38                               | UBND huyện Na Hang             |                                                      |
| 9   | Bê tông hoá đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn huyện Yên Sơn                                      | 2021-2025       | Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 | 22.227,80             |                          | 22.227,80                | 7.663,72                              |                                 | 14.564,08                             | 14.564,08                            | UBND huyện Yên Sơn             | Bổ sung để thanh toán khối lượng hoàn thành năm 2023 |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH                                                                                                                                                | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT                          |                       |                          |                          | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024 | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2025 | Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh | CHỦ ĐẦU TƯ                                            | GHI CHÚ |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                               |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành                     | Tổng mức đầu tư       |                          |                          |                                       |                                 |                                       |                                      |                                                       |         |
|     |                                                                                                                                                               |                 |                                                            | Tổng số các nguồn vốn | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                       |                                 |                                       |                                      |                                                       |         |
| 1   | 2                                                                                                                                                             | 3               | 4                                                          | 5                     | 6                        | 7                        | 8                                     | 9                               | 10                                    | 11                                   | 12                                                    | 13      |
| 10  | Cải tạo, nâng cấp Nhà khách Kim Bình                                                                                                                          | 2022-2024       | 790/QĐ-UBND ngày 28/7/2023, 1203/QĐ-UBND ngày 30/10/2024   | 38.000,00             |                          | 38.000,00                | 32.870,00                             |                                 | 4.000,00                              | 4.000,00                             | Văn phòng Tỉnh ủy                                     |         |
| II  | DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP                                                                                                                                             |                 |                                                            | 1.332.268,25          | 1.010.000,00             | 322.268,25               | 462.042,82                            | 15.000,00                       | 63.316,15                             | 78.316,15                            |                                                       |         |
| 1   | Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm y tế huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang                                                                                          | 2022-2025       | 320/QĐ-UBND ngày 14/4/2023                                 | 100.000,00            | 52.000,00                | 48.000,00                | 52.000,00                             |                                 | 15.000,00                             | 15.000,00                            | Ban QLDA ĐTXD các công trìnhg DD&CN                   |         |
| 2   | Dự án Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Tuyên Quang                                                                                                     | 2025-2029       | 2320/QĐ-BLĐT BXH ngày 30/12/2024                           | 105.000,00            | 90.000,00                | 15.000,00                | 3.000,00                              | 2.000,00                        | 10.000,00                             | 12.000,00                            | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ) |         |
| 3   | Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013 - 2020                                                                         | 2013-2025       | 1468/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 1310/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 | 950.097,00            | 808.000,00               | 142.097,00               | 301.258,36                            | 3.000,00                        | 24.536,15                             | 27.536,15                            | Sở Công thương                                        |         |
| 4   | Dự án đầu tư di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh và thôn Tát Kê, xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang | 2016-2024       | 1528/QĐ-UBND ngày 28/10/2016                               | 88.000,00             | 60.000,00                | 28.000,00                | 50.700,00                             | 10.000,00                       | 5.200,00                              | 15.200,00                            | UBND huyện Na Hang                                    |         |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH                                                                                                      | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT                    |                       |                          |                          | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024 | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2025 | Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh | CHỦ ĐẦU TƯ                                                                                  | GHI CHÚ                                          |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                     |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành               | Tổng mức đầu tư       |                          |                          |                                       |                                 |                                       |                                      |                                                                                             |                                                  |
|     |                                                                                                                     |                 |                                                      | Tổng số các nguồn vốn | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                       |                                 |                                       |                                      |                                                                                             |                                                  |
| 1   | 2                                                                                                                   | 3               | 4                                                    | 5                     | 6                        | 7                        | 8                                     | 9                               | 10                                    | 11                                   | 12                                                                                          | 13                                               |
| 5   | Dự án di dân khẩn cấp tại xóm Dùm, phường Nông Tiến, Thành phố Tuyên Quang                                          | 2021-2025       | 896/QĐ-CT ngày 13/8/2012, 856/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 | 54.213,80             |                          | 54.213,80                | 47.084,46                             |                                 | 5.000,00                              | 5.000,00                             | UBND thành phố Tuyên Quang                                                                  |                                                  |
| 6   | Cải tạo hàng động tự nhiên đảm bảo cho thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 | 2024-2025       | 18/QĐ-UBND ngày 04/3/2024                            | 34.957,45             |                          | 34.957,45                | 8.000,00                              |                                 | 3.580,00                              | 3.580,00                             | BCH Quân sự tỉnh                                                                            |                                                  |
| III | DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI                                                                                                 |                 |                                                      | 53.500,00             | -                        | 53.500,00                | -                                     | -                               | 53.500,00                             | 53.500,00                            |                                                                                             |                                                  |
| 1   | Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Tỉnh Ủy, Nhà khách Kim Bình và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy                     | 2025            | 669/QĐ-UBND ngày 15/6/2025                           | 8.500,00              |                          | 8.500,00                 |                                       |                                 | 8.500,00                              | 8.500,00                             | Đơn vị được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình: Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN | Thực hiện theo Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp |
| 2   | Cải tạo sửa chữa hạng mục nhà 4 tầng và nhà 2 tầng của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trường THPT Chuyên cũ)       | 2025-2026       | 689/QĐ-UBND ngày 19/6/2025                           | 45.000,00             |                          | 45.000,00                |                                       |                                 | 45.000,00                             | 45.000,00                            | Đơn vị được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình: Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN | Thực hiện theo Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp |
| IV  | VỐN ỦY THÁC QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI                                                                         |                 |                                                      | -                     | -                        |                          | 12.000,00                             | 17.000,00                       | 20.000,00                             | 37.000,00                            |                                                                                             |                                                  |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH                                                                                                                                  | Thời gian KH-HT | Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT      |                       |                          |                          | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024 | Kế hoạch vốn năm 2025 được giao | Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2025 | Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh | CHỦ ĐẦU TƯ | GHI CHÚ                                                                                                                        |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                 |                 | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư       |                          |                          |                                       |                                 |                                       |                                      |            |                                                                                                                                |
|     |                                                                                                                                                 |                 |                                        | Tổng số các nguồn vốn | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách địa phương |                                       |                                 |                                       |                                      |            |                                                                                                                                |
| 1   | 2                                                                                                                                               | 3               | 4                                      | 5                     | 6                        | 7                        | 8                                     | 9                               | 10                                    | 11                                   | 12         | 13                                                                                                                             |
| V   | CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ (MỘT SỐ DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM CỦA TỈNH, CƠ SỞ HẠ TẦNG PHỤC VỤ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC DO SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH) |                 |                                        | -                     | -                        |                          |                                       | -                               | 19.000,00                             | 19.000,00                            |            | Chi phân bổ chi tiết khi đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, các quy định pháp luật có liên quan |
| 1   | Xây dựng trụ sở Tỉnh ủy Tuyên Quang                                                                                                             |                 |                                        |                       |                          |                          |                                       |                                 |                                       |                                      |            |                                                                                                                                |
| 2   | Xây dựng trụ sở UBND tỉnh Tuyên Quang                                                                                                           |                 |                                        |                       |                          |                          |                                       |                                 |                                       |                                      |            |                                                                                                                                |
| 3   | Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Tuyên Quang                                                                                                 |                 |                                        |                       |                          |                          |                                       |                                 |                                       |                                      |            |                                                                                                                                |
| 4   | Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang                                                                        |                 |                                        |                       |                          |                          |                                       |                                 |                                       |                                      |            |                                                                                                                                |
| 5   | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường cách mạng từ xã Tân Trào đến xã Trung Yên, tỉnh Tuyên Quang                                                       |                 |                                        |                       |                          |                          |                                       |                                 |                                       |                                      |            |                                                                                                                                |